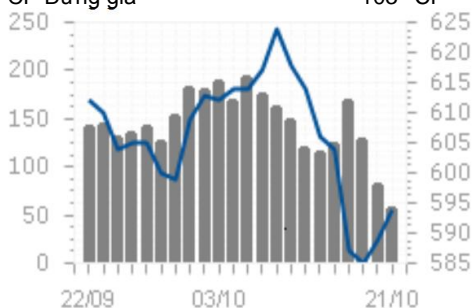


## HOSE 21/10/2014

VNINDEX 600.54 11.30 1.92%

KLGD 87,101,770 CP  
GTGD 1,774.61 Tỷ  
GTR NDTNN - 61.31 Tỷ

CP Tăng giá 101 CP  
CP Giảm giá 100 CP  
CP Đứng giá 103 CP



## Tâm điểm

► **Cổ phiếu vốn hóa lớn giúp VN-Index chinh phục mốc 600 điểm**

► **Thị trường giao dịch khá cầm chừng**  
KLGD gia tăng và khối ngoại tiếp tục bán ròng

► **Lợi suất trái phiếu chính phủ tăng trở lại**  
Lợi suất Trái phiếu chính phủ trên cả 2 sàn đều tăng trở lại  
Đầu tư chứng khoán

► **Long An - CPI tháng 10 tăng 0,11% so với tháng trước**  
CPI Long An tăng và có tới 8/11 mặt hàng tăng giá  
Gafin

► **Bộ Tài chính Hàn Quốc thông báo khoản nợ công kỷ lục trong lịch sử**  
Mức tăng cao nhất từ trước tới nay sau chi tăng tài khóa nhờ thúc đẩy nền kinh tế  
DVO

► **PVB: 9 tháng lãi sau thuế gấp 2,7 lần cùng kỳ, EPS đạt 6.122 đồng/CP**  
Lợi nhuận sau thuế tăng vọt giúp PVB hoàn thành 50% kế hoạch năm  
Gafin

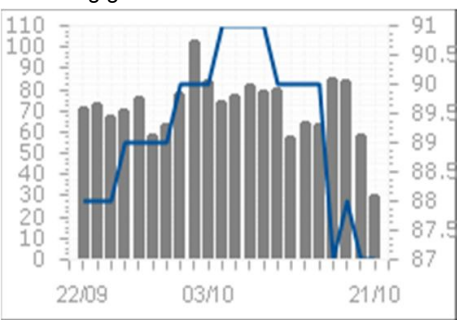
► **BKC: Chạm dứt chuỗi 11 quý lỗ liên tiếp**  
Lợi nhuận 9 tháng đầu năm đạt 217 triệu đồng  
Vietstock

## HNX 21/10/2014

HNXINDEX 87.00 -0.28 -0.32%

KLGD 45,680,314 CP  
GTGD 626.67 Tỷ  
GTR NDTNN - 1.10 Tỷ

CP Tăng giá 80 CP  
CP Giảm giá 126 CP  
CP Đứng giá 173 CP



## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,057,228	14.6	2.8	19.4%	10.5%
HNX	143,000	14.6	1.8	9.2%	4.5%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,200,228</b>	<b>15.5</b>	<b>3.4</b>	<b>20.3%</b>	<b>10.3%</b>

### Theo ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,467	7.0	0.9	13.3%	8.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	19,837	9.0	1.5	16.3%	10.9%
Khai khoáng	38,068	16.6	2.1	20.4%	9.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,360	79.3	5.7	-0.1%	-0.3%
Xây dựng	24,327	16.8	1.5	11.0%	7.3%
Máy công nghiệp	32,288	75.2	1.3	-2.1%	1.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,659	9.2	1.4	15.0%	10.2%
Lốp xe	10,992	8.7	1.5	18.8%	13.6%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,593	10.7	3.1	27.5%	11.8%
Thực phẩm	20,721	12.0	1.8	17.2%	6.2%
Dược phẩm	194,751	23.8	4.1	20.7%	16.2%
Phần mềm	15,229	11.1	2.8	22.6%	14.9%
Sản xuất & phân phối điện	17,492	10.8	2.2	21.5%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	26,635	12.4	1.4	11.7%	6.4%
Bảo hiểm nhân thọ	199,963	16.3	5.3	33.0%	22.6%
Môi giới chứng khoán	26,606	21.8	2.3	10.2%	2.1%
Ngân hàng	27,462	13.6	1.6	9.6%	7.2%
Bất động sản	236,553	10.9	1.2	10.6%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	194,511	18.4	5.1	24.4%	5.8%
	47,904	10.8	2.2	22.6%	9.4%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 633.81 5.72 0.91%

HNX30 173.34 -0.55 -0.32%

## Thông kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

## VietinBankSc

306 Ba Triệu  
Hai Ba Trưng  
Hanoi  
Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

**Trịnh Thị Thu Phương**  
[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**Lợi suất trái phiếu chính phủ tăng trở lại**

**Long An - CPI tháng 10 tăng 0,11% so với tháng trước**

**Bộ Tài chính Hàn Quốc thông báo khoản nợ công kỷ lục trong lịch sử**

**Trịnh Thị Thu Phương**  
[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**PVB: 9 tháng lãi sau thuế gấp 2,7 lần cùng kỳ, EPS đạt 6.122 đồng/CP**

**BKC: Chấm dứt chuỗi 11 quý lỗ liên tiếp**

**SHN: Nợ ngắn hạn gấp 10 lần VCSH, quý III lỗ hơn 73 tỷ đồng**

## ► Tin kinh tế

Tuần qua, lợi suất trái phiếu chính phủ trên cả hai thị trường sơ cấp và thứ cấp đều có dấu hiệu tăng trở lại. Lãi suất thị trường mở và liên ngân hàng đều tăng nhờ tín dụng ngắn hạn được cải thiện.

Thị trường sơ cấp: Từ 13 - 17/10, Kho bạc Nhà nước (KBNN) chào thầu 6.000 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 5, 10 và 15 năm; 4.245 tỷ đồng đã được gọi thầu thành công, đạt tỷ lệ 71%.

Thị trường thứ cấp: Tuần từ 13 - 17/10, 18.380 tỷ đồng trái phiếu và tín phiếu đã được thực hiện, giảm 13.87% so với tuần trước.

Theo tin từ Sở Công thương Long An, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh tháng 10/2014 tăng 0,11% so với tháng trước, trong đó hàng hóa tăng 0,02% và dịch vụ tăng 0,37%. Có tới 8/11 nhóm ngành hàng tăng giá. Song ngoại trừ nhóm giáo dục tăng mạnh tới 1,43% so với tháng trước, các nhóm ngành khác đều có mức tăng khá thấp: May mặc-mũ nón-giày dép tăng 0,39%; Đồ uống-thuốc lá tăng 0,24%; Văn hóa-giải trí-du lịch tăng 0,22%... Nhờ đó, chỉ số chung chỉ tăng không cao. Bên cạnh đó, nhóm Nhà ở, điện, nước, chất đốt, vật liệu xây dựng giảm 0,15% và nhóm Giao thông giảm 0,99%. Ngoài ra, nhóm ngành Bưu chính - viễn thông là ổn định giá.

Bộ Tài chính Hàn Quốc thông báo các khoản nợ của chính phủ nước này trong tháng 8/2014 đã lên đến 511.100 tỷ won (484,3 tỷ USD), mức cao nhất từ trước đến nay, sau khi tăng chi tài khóa nhằm thúc đẩy nền kinh tế đang rơi vào tình trạng trì trệ. Các đợt chi trả được thực hiện vào các tháng 3, 6, 9 và 12 hằng năm. Ngân hàng Hàn Quốc đã quyết định cắt giảm lãi suất xuống mức kỷ lục là 2%, chỉ hai tháng sau khi hạ lãi suất xuống còn 2,25%. Trong tám tháng đầu năm nay, Hàn Quốc thu thuế quốc gia được 136.600 tỷ won, thấp hơn cùng kỳ năm ngoái 300 tỷ won do sự phục hồi chậm chạp của nền kinh tế.

## ► Tin doanh nghiệp

CTCP Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam (Hose: PVB) đã công bố BCTC quý III/2014, với doanh thu thuần đạt hơn 230,7 tỷ đồng, gấp 2 lần cùng kỳ năm trước, vượt 50% kế hoạch năm. Kỳ này, giá vốn hàng bán của công ty cũng gấp hơn 2,43 lần cùng kỳ và đạt trên 192,3 tỷ đồng đã khiến lợi nhuận gộp của PVB chỉ tăng hơn 11%, đạt hơn 38,3 tỷ đồng. Hết quý III/2014, tiền và các khoản tương đương tiền của PVB đạt hơn 265,3 tỷ đồng, gấp 3,2 lần so với số đầu năm. Các khoản phải thu ngắn hạn của công ty cũng tăng vọt lên mức 330 tỷ đồng, gấp 2,5 lần đầu năm. Tính đến hết 30/9/2014, nợ ngắn hạn của PVB đạt hơn 491,8 tỷ đồng, gấp 2,3 lần so với đầu năm 2014.

CTCP Khoáng Sản Bắc Kạn (HNX: BKC) công bố lãi ròng 6.6 tỷ đồng, lũy kế 9 tháng đầu năm đạt 217 triệu đồng, chấm dứt chuỗi thua lỗ 11 quý liên tiếp trước đó. Doanh thu bán sản phẩm khoáng sản của BKC quý 3 đạt gần 24 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước chỉ 158 triệu đồng. Đây cũng là con số cao nhất mà BKC đạt được trong 11 quý vừa qua. Mặc dù kết quả khá ấn tượng nhưng đi kèm đó, nợ ngắn hạn của BKC cuối quý 3 cũng tăng hơn gấp đôi khi ở mức 120 tỷ đồng, chủ yếu vay và nợ vay ngắn hạn gần 50 tỷ đồng, gấp 4 lần so với đầu năm.

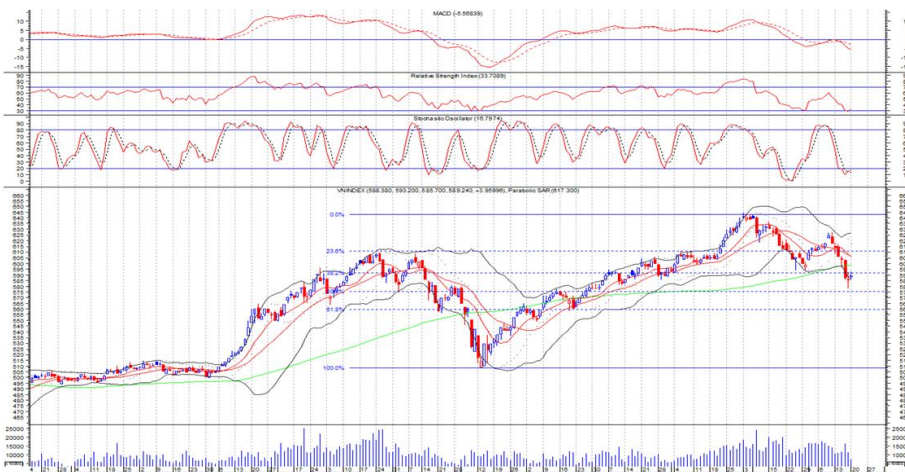
CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (mã SHN - HNX) đã công bố BCTC quý III/2014, với doanh thu thuần chỉ đạt vốn vện 351 triệu đồng, giảm mạnh 74,6% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, trong quý III/2014, chi phí tài chính của SHN đạt hơn 72,7 tỷ đồng, gấp 33,3 lần so với cùng kỳ do trong kỳ, công ty phát sinh khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn là 71,1 tỷ đồng. Kết quả, quý III/2014, công ty lỗ tới hơn 73 tỷ đồng, gấp 10,8 lần so với mức lỗ 6,75 tỷ đồng của quý III/2013.

**HOSE** 21/10/2014 VNINDEX 600.54 11.30 1.92% 87,101,770 CP 1,774.61 bil VND

### Cổ phiếu vốn hóa lớn giúp VN-Index chinh phục mốc 600 điểm

VN-Index tăng 11.31 điểm (+1.92%), đóng cửa tại mức 600,55 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, VN-Index tăng trở lại vùng MA100. Đây là tín hiệu khá tích cực.

- MACD dừng đà giảm nhưng vẫn chưa thực sự tăng mạnh trở lại.
- Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua, tiếp tục gia tăng mạnh.
- RSI (14) tiếp tục gia tăng khá tích cực, đạt mốc 44.
- Vùng hỗ trợ 575 - 584 điểm tỏ rõ sự hỗ trợ tốt cho thị trường trong nhịp giảm điểm vừa rồi.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	6,011,350
KBC	0.5 (3.2%)	4,018,930
VHG	0.6 (3.7%)	3,888,320
ASM	0.3 (2.7%)	3,520,740
SSI	0.3 (1.0%)	3,382,850

### HOSE Top 5 theo % tăng

AGF	1.4 (6.9%)	37,440
GAS	7 (6.9%)	831,910
SVI	2.5 (6.7%)	20
VTB	0.7 (6.1%)	4,240
EVE	1.3 (5.7%)	3,700

### HOSE Top 5 theo % giảm

CTI	-0.8 (-7.0%)	1,980
RIC	-1.2 (-6.9%)	5,000
PXT	-0.4 (-6.9%)	434,580
TMS	-2.7 (-6.8%)	10
THG	-1 (-6.7%)	20,230

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

VCB	16,1 tỷ	651,970
HPG	11,3 tỷ	206,880
KBC	7,6 tỷ	483,000
CSM	6,7 tỷ	149,600
SAV	2,9 tỷ	220,000

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PVD	-24,4 tỷ	279,920
HAG	-18,2 tỷ	728,420
VIC	-12,1 tỷ	258,700
KDC	-11,2 tỷ	193,890
MSN	-9,0 tỷ	113,420

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HOSE	-1.401.990	- 61.31

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT vẫn giao dịch khá cầm chừng, số mã giảm điểm chiếm đa số ở phiên sáng nhưng hiệu ứng tích cực từ VIC và GAS giúp đà tăng lan rộng ở cuối phiên.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 80 triệu. Dù gia tăng nhưng vẫn ở mức khá thấp, giới đầu tư vẫn khá thận trọng, tuy nhiên việc khối lượng tăng dần là tín hiệu tích cực.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 61 tỷ. Việc khối ngoại vẫn giữ đà bán ròng khiến rủi ro VN-Index giảm điểm vẫn còn.
- ▶ Vùng hỗ trợ 575 - 584 điểm tỏ rõ sự hỗ trợ khá tốt cho thị trường. Nhiều khả năng sẽ có nhịp hồi với VN-Index, tuy nhiên đà tăng phụ thuộc nhiều vào lực cầu nâng giá lên.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua vào nếu thanh khoản gia tăng. Hạn chế sử dụng margin ở tỷ lệ cao ở vùng này bởi rủi ro khối ngoại bán ròng vẫn còn.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	109.0	206,555.00	16.7	5.5	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	107.0	107,012.69	17.3	4.8	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	26.7	71,156.04	15.4	1.4	10.6%	1.0%
VIC	1,430.0	48.9	69,924.92	13.8	2.5	27.6%	6.2%
MSN	735.8	80.0	58,864.65	-1,438.8	4.1	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.3	53,244.69	9.1	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.2	37,107.87	9.3	1.1	12.3%	0.7%
PVD	303.0	92.0	27,879.39	11.4	2.2	22.7%	10.7%
BVH	680.5	39.1	26,606.43	21.8	2.3	10.2%	2.1%
HPG	481.9	55.0	26,504.95	9.5	2.5	28.3%	12.8%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.0	4,349.58	18.1	1.4	NA	TH.DOI
FPT	343.9	50.0	17,194.71	10.8	2.3	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.4	2,241.22	7.5	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.0	3,092.54	8.4	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	4.0	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	27.5	759.27	3.1	1.2	NA	TH.DOI

**HNX**      21/10/2014      HNX-Index      87.00      -0.28      -0.32%      45,680,314 CP      626.67 bil. VND

### HNX-Index vẫn đang giao dịch cân bằng tại vùng điểm này

Chỉ số HNX-Index giảm 0.28 điểm (-0.32%), đóng cửa tại mốc 87.00 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến tương đối dài, HNX-Index giảm đều phiên nhưng hồi phục tốt cuối phiên do tác động nhiễu của PVS.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu bán, tiếp tục gia tăng khá tốt.
- MACD vẫn tiếp tục sụt giảm mạnh. Và sắp cho tín hiệu cắt đường zero - base, đây là tín hiệu khá tiêu cực.
- RSI (14) lùi về mốc 39.



HNX Top 5 theo KLGD		
KLF	-0.3 (-2.5%)	5,780,690
PVX	0 (0.0%)	4,714,570
SCR	0 (0.0%)	2,149,130
FIT	-0.6 (-2.2%)	2,107,610
PVS	-0.1 (-0.2%)	1,919,480

HNX Top 5 theo % tăng		
PPE	0.4 (10.0%)	4,000
NGC	1.8 (9.9%)	100
L14	0.9 (9.8%)	35,600
TDN	0.9 (9.8%)	4,000
NDF	2.1 (9.7%)	288,200

HNX Top 5 theo % giảm		
PIV	-1 (-10.0%)	300
SCL	-2 (-10.0%)	200,600
SDN	-3.2 (-10.0%)	160
VMI	-2.5 (-9.8%)	618,000
MCC	-1.4 (-9.6%)	200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN		
PVS	8,4 tỷ	211,600
IVS	2,2 tỷ	204,100
SHS	0,3 tỷ	30,000
THT	0,1 tỷ	10,000
KTS	0,1 tỷ	8,200

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN		
PVC	-8,8 tỷ	286,100
VCG	-2,3 tỷ	179,500
TNG	-0,9 tỷ	40,000
SCJ	-0,4 tỷ	39,000
LAS	-0,4 tỷ	11,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-67,800	- 1.10

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT vẫn giao dịch khá cầm chừng, số mã giảm điểm chiếm đa số ở phiên sáng, HNX-Index phục thuộc nhiều vào giao dịch của PVS.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 41 triệu. Khối lượng sụt giảm thể hiện sự thận trọng của giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 1 tỷ. Lượng mua tập trung nhiều ở các mã PVS, IVS, trong khi bán nhiều ở PVC, VCG
- ▶ Kỳ vọng vùng hỗ trợ 85 - 87 điểm sẽ giúp thị trường cân bằng. Với lực cầu bất đáy như hiện nay nhiều khả năng sẽ giúp HNX-Index cân bằng trở lại.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua vào nếu thanh khoản gia tăng. Hạn chế sử dụng margin ở tỷ lệ cao ở vùng này bởi rủi ro khối ngoại bán ròng vẫn còn.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	40.1	17,912.69	10.1	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.1	13,737.69	20.4	1.2	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.6	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.0	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	12.6	5,565.55	9.8	1.0	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	83.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.1	4,075.36	14.1	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	21.4	2,805.03	8.6	0.8	12.7%	5.7%
NTP	56.3	46.5	2,619.78	7.0	2.0	22.9%	15.2%
LAS	77.8	31.5	2,451.71	6.5	1.7	27.5%	15.2%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	33.7	1,280.60	8.3	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.6	617.76	6.5	0.5	NA	TH.DOI
VND	100.0	15.7	1,569.98	14.6	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.5	2,619.78	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	30.3	1,515.00	9.4	1.8	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.0	338.62	8.0	1.5	NA	TH.DOI



**FTSE Vietnam (UCITS ETF)**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,430.0	69,924.92	15.75%	48.9	13.84	2.49	2,062,355	2,534,764	1,996,457
HPG	HOSE	481.9	26,504.95	13.53%	55.0	9.47	2.50	911,287	728,147	853,336
PVD	HOSE	303.0	27,879.39	11.69%	92.0	11.43	2.20	724,038	590,284	535,929
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	11.42%	80.0	#####	4.10	194,475	155,622	263,593
HAG	HOSE	789.9	19,589.50	8.11%	24.8	10.41	1.35	4,015,941	4,713,378	3,659,545
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	6.47%	18.3	7.62	1.34	330,715	432,811	398,391
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	5.75%	26.7	15.42	1.39	252,028	495,738	483,638
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	4.79%	29.7	8.82	1.25	560,393	577,476	1,166,403
ITA	HOSE	718.9	6,182.59	2.96%	8.6	65.87	0.78	7,005,300	7,723,022	7,478,477
KBC	HOSE	389.8	6,197.19	2.57%	15.9	26.28	1.20	5,569,323	5,997,229	3,579,662
BVH	HOSE	680.5	26,606.43	2.30%	39.1	21.77	2.28	236,732	257,965	237,582
HSG	HOSE	96.3	4,863.81	2.06%	50.5	15.05	2.17	731,000	546,279	314,431
GMD	HOSE	116.1	3,948.69	1.83%	34.0	7.82	0.82	783,018	963,978	719,033
PPC	HOSE	318.2	7,508.45	1.68%	23.6	15.48	1.54	333,399	408,939	685,106
HVG	HOSE	132.0	3,933.59	1.56%	29.8	34.05	1.56	2,449,570	2,154,076	1,683,525
CSM	HOSE	67.3	3,061.79	1.50%	45.5	8.49	2.56	203,061	221,426	269,109
PVT	HOSE	255.9	4,349.58	1.48%	17.0	18.13	1.36	2,468,692	2,317,590	2,301,532
DRC	HOSE	83.1	4,901.36	1.48%	59.0	13.19	3.58	165,143	154,122	200,955
VSH	HOSE	206.2	2,928.63	1.31%	14.2	13.68	1.07	437,912	469,492	691,104
DIG	HOSE	178.7	2,502.41	1.01%	14.0	67.15	0.83	1,574,876	1,627,405	820,298
OGC	HOSE	300.0	3,660.00	0.76%	12.2	44.30	1.14	4,055,380	4,618,170	3,403,824

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

**Market Vectors Vietnam ETF**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,430.0	69,924.92	8.28%	48.9	13.84	2.49	2,062,355	2,534,764	1,996,457
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	8.09%	80.0	#####	4.10	194,475	155,622	263,593
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	6.66%	26.7	15.42	1.39	252,028	495,738	483,638
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	6.34%	18.3	7.62	1.34	330,715	432,811	398,391
PVS	HNX	446.7	17,912.69	5.45%	40.1	10.12	2.15	3,473,023	3,685,787	3,941,154
BVH	HOSE	680.5	26,606.43	4.54%	39.1	21.77	2.28	236,732	257,965	237,582
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	4.18%	29.7	8.82	1.25	560,393	577,476	1,166,403
PVD	HOSE	303.0	27,879.39	4.04%	92.0	11.43	2.20	724,038	590,284	535,929
HAG	HOSE	789.9	19,589.50	3.68%	24.8	10.41	1.35	4,015,941	4,713,378	3,659,545
ITA	HOSE	718.9	6,182.59	2.96%	8.6	65.87	0.78	7,005,300	7,723,022	7,478,477
PPC	HOSE	318.2	7,508.45	2.75%	23.6	15.48	1.54	333,399	408,939	685,106
FLC	HOSE	314.9	3,558.30	2.56%	11.3	8.22	0.81	10,906,659	12,263,941	16,038,093
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.53%	8.8	9.02	0.72	6,425,136	5,626,143	4,837,447
VCG	HNX	441.7	5,565.55	2.03%	12.6	9.80	1.01	1,536,491	1,593,412	1,321,033
OGC	HOSE	300.0	3,660.00	1.69%	12.2	44.30	1.14	4,055,380	4,618,170	3,403,824
PVT	HOSE	255.9	4,349.58	1.61%	17.0	18.13	1.36	2,468,692	2,317,590	2,301,532
DRC	HOSE	83.1	4,901.36	0.95%	59.0	13.19	3.58	165,143	154,122	200,955
IJC	HOSE	274.2	3,619.37	0.62%	13.2	22.04	1.26	677,984	775,547	1,926,147
PVX	HNX	400.0	2,360.00	0.00%	5.9	- 1.90	3.18	8,857,423	9,770,826	9,642,695

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

**MSCI Frontier Market Index ETF**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,430.0	69,924.92	0.00%	48.9	13.84	2.49	2,062,355	2,534,764	1,996,457
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	0.00%	80.0	#####	4.10	194,475	155,622	263,593
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	0.00%	29.7	8.82	1.25	560,393	577,476	1,166,403
HAG	HOSE	789.9	19,589.50	0.00%	24.8	10.41	1.35	4,015,941	4,713,378	3,659,545
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	0.00%	26.7	15.42	1.39	252,028	495,738	483,638
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	0.00%	18.3	7.62	1.34	330,715	432,811	398,391
BVH	HOSE	680.5	26,606.43	0.00%	39.1	21.77	2.28	236,732	257,965	237,582
CTG	HOSE	3,723.4	53,244.69	0.00%	14.3	9.13	1.00	278,533	312,746	349,816
GAS	HOSE	1,895.0	206,555.00	0.00%	109.0	16.71	5.47	613,552	553,832	403,787

Công ty quản lý **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ **19/09/2011** SLCKVN **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số **30/11/2007** TGTTSQL **22.25 mil.**

**iShares MSCI Frontier 100 Index Fund**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	0.88%	80.0	#####	4.10	194,475	155,622	263,593
VIC	HOSE	1,430.0	69,924.92	0.56%	48.9	13.84	2.49	2,062,355	2,534,764	1,996,457
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	0.31%	18.3	7.62	1.34	330,715	432,811	398,391
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	0.24%	26.7	15.42	1.39	252,028	495,738	483,638
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	0.15%	29.7	8.82	1.25	560,393	577,476	1,166,403
BVH	HOSE	680.5	26,606.43	0.08%	39.1	21.77	2.28	236,732	257,965	237,582

Công ty quản lý **iShares** Ngày lập quỹ **12/09/2012** SLCKVN **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số **30/11/2007** TGTTSQL **519.45 mil.**

**iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý **iShares** Ngày lập quỹ **01/12/2010** SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số **01/12/2010** TGTTSQL **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,467	7.0	0.9	13.3%	8.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	19,837	9.0	1.5	16.3%	10.9%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,852	27.3	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	867	7.4	0.9	12.7%	6.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,068	16.6	2.1	20.4%	9.3%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,899	3.1	0.8	26.0%	5.7%
Khai khoáng	12,360	79.3	5.7	-0.1%	-0.3%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,327	16.8	1.5	11.0%	7.3%
Xây dựng	32,288	75.2	1.3	-2.1%	1.8%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,192	8.6	1.2	15.7%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	1,277	8.6	1.4	16.2%	12.2%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,367	6.9	0.9	13.3%	5.9%
Thiết bị điện	1,944	28.2	0.9	1.5%	0.0%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	49	14.9	0.7	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,659	9.2	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,685	3.3	1.1	4.2%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,992	8.7	1.5	18.8%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,263	8.0	1.6	19.1%	11.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,817	12.0	1.5	16.7%	8.0%
Đào tạo & Việc làm	261	10.9	0.8	8.2%	2.9%
Nhà cung cấp thiết bị	185	8.0	0.8	11.4%	4.7%
Chất thải & Môi trường	188	2.9	0.9	34.3%	16.1%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,136	17.8	1.1	11.9%	6.3%
Lốp xe	8,593	10.7	3.1	27.5%	11.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,632	7.8	1.3	16.5%	8.9%
Vang & Rượu mạnh	335	14.9	2.3	17.1%	10.8%
Đồ uống & giải khát	237	6.8	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,721	12.0	1.8	17.2%	6.2%
Thực phẩm	194,751	23.8	4.1	20.7%	16.2%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	78	22.0	1.0	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,686	9.0	1.5	14.9%	7.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	592	37.4	1.5	3.9%	2.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,485	8.9	1.7	18.8%	7.2%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,980	11.1	2.0	18.0%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	728	8.2	1.1	-0.7%	3.7%

21 October 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,063	17.3	1.0	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	166	3.4	1.9	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	191	8.7	1.1	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,229	11.1	2.8	22.6%	14.9%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	249	46.8	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	728	11.2	1.2	13.2%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,970	11.0	1.9	17.3%	3.3%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,116	10.5	1.0	9.6%	6.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,630	72.2	2.5	2.8%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,795	17.6	1.4	11.4%	9.6%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,831	21.5	3.6	23.0%	20.0%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	765	18.3	1.0	5.6%	2.0%
Internet	311	65.6	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,492	10.8	2.2	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	508	17.6	0.9	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	312	5.3	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,878	35.9	5.1	34.5%	11.6%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	26,635	12.4	1.4	11.7%	6.4%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	199,963	16.3	5.3	33.0%	22.6%
Nước	1,273	6.8	1.1	17.0%	11.3%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,394	8.0	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,795	12.2	0.8	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,687	8.6	0.8	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,606	21.8	2.3	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,799	45.8	1.2	2.7%	0.8%
Môi giới chứng khoán	27,462	13.6	1.6	9.6%	7.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	236,553	10.9	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	194,511	18.4	5.1	24.4%	5.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	12	3.1	0.9	34.7%	11.6%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	47,904	10.8	2.2	22.6%	9.4%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.